

## **Luận Bản Nhân Minh Chánh Lý Môn**

*Nhơn Minh Chánh Lý Môn Luận Bản*

*Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, tập thứ 32 thuộc Luận Tập*

*Bộ Toàn, Thứ tự kinh văn số 1628*

*Đại Vực Long Thọ Bồ Tát tạo, Đường Huyền Trang dịch từ  
tiếng Phạn sang chữ Hán.*

*Bản Việt dịch của Sa Môn Thích Như Điển từ ngày 23 tháng  
12 năm 2003 tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi.*

\*\*\*

Vì muốn chọn lựa và giữ lấy trong ý nghĩa chân thật của Năng Lập và Năng Phá, cho nên tạo ra Luận này.

Tông v.v...nhiều lời nói NăngLập

trong đây chỉ theo tự ý thích

vì Sở thành Lập gọi làTông

nghĩa trái ngược kia chẳng thể trừ.

[Tông v.v... nhiều lời nói Năng Lập] làdo TÔNG, NHÂN, DỤ dùng nhiều lời để biện thuyết, nhưng chưa rõ ràng ý nghĩa; cho nên nơi đây dùng nhiều lời nói nơi<Luận Thức> gọi là Năng Lập. Lại nơi một lời, nói là Năng Lập, vì để hiển bày thành một Tánh Tổng Thể Năng Lập,do đây phải biết tùy theo có khuyết sót gì, thì gọi là lỗi của Năng Lập.

Nói [trong đây]:là nói ý nghĩa bắt đầu khởi lên Luận,hoặc là ý nghĩa của chọn lựa và giữ lấy trong TÔNG v.v... nên gọi là [trong đây].

Cái nói[chỉ] là ý nghĩa của giản biệt (tuyển lựa chọn lọc).

[Tùy tự ý] nghĩa là trình bày một loại TÔNG mà chẳng cần màng đến Tông của Luận, tùy theo ý của mình mà thành lập.

[Thích]:là Sở Lập, vì Không Thích là Tánh của Năng Lập. Nếu khác điều này thì gọi là Sở thành Lập, tương Tợ NHÂN, tương Tợ DỤ cũng gọi là TÔNG.

Vì để hiển bày tránh mắc phải các lỗi lầm khi lập TÔNG nên nói [nghĩa trái ngược kia chẳng thể trừ].

Nếu chẳng trái nghĩa thì lời nói sẽ bị lỗi, như lập: [tất cả lời nói đều là vọng]; hoặc nghĩa trái nhau với TÔNG Sở Lập trước, như Huân Hồ Tử lập: [âm Thanh là thường]. Lại, nếu ở trong đây do vì chẳng cùng chấp nhận (Bất Cộng), cũng không có sự so sánh (Tỷ Lượng), thì vì để thành lời chấp nhận, nên bỏ đi ý nghĩa trái ngược nhau. Như nói: [nhớ thỏ, vì chẳng phải nơi mặt trăng có].

Lại nữa nơi có pháp, tức là những gì nơi (đối phương) kia lập để thành tự loại trừ ý nghĩa trái ngược của Hiện Lượng và Tỷ Lượng. Như có người thành lập [âm Thanh chẳng phải là cái được nghe][cái Bình là Thường] v.v...

Có những vị nói: TÔNG và NHÂN mà trái nhau thì [gọi là Vi TÔNG], đây chẳng phải là lỗi của TÔNG. Do ở trong đây lập: [âm Thanh là thường, vì tất cả đều là vô thường](thí) DỤ này là phương tiện để cưỡng lập nên Dị Pháp, do vì hợp với DỤ để hiển thị chẳng là tất cả. NHÂN này chẳng có, do vì âm Thanh nhiếp trong tất cả. Hoặc là vì có một phần ý nghĩa của SỞ LẬP, mà Nghĩa này không thành lập được, nên gọi là lỗi của NHÂN. DỤ cũng có lỗi, vì DỤ của Dị Pháp thì trước

(phải)hiển thị TÔNG là Không, sau nói NHÂN là Không. Phải nói như vậy:[Vô Thường tất cả] thì chẳng phải là Nghĩa của [chẳng phải tất cả];thế nhưng, ở đây lại nói ngược:[tất cả Vô Thường] cho nên trong đây DỤ cũng có lỗi.

Như thế đã nói về TÔNG và TỌ TÔNG. NHÂN cùng TỌ NHÂNv.v... phần nhiều là TÔNG PHÁP. Tướng sai biệt này nay sẽ trình bày:

TÔNG PHÁP nơi Đồng Phẩm

có, chẳng có, cả hai (có, chẳng có)

mỗi Dị Phẩm có ba:

có, chẳng có và hai.

Tại sao không gom tất cả những gì Thích để thành lập, hợp nói là TÔNG?Vì sao trong này nói TÔNG là chỉ chọn lấy Hữu Pháp?Ở đây không có sai lầm. Do Tổng các âm Thanh đó,nơi Biệt cũng chuyển (có), như nói [Đốt Áo],hoặc có lúc nói tên TÔNG chỉ để giải thích pháp. Trong đây TÔNG PHÁP chỉ giữ lấy sự quyết định đồng chấp nhận giữa người Lập Luận và người Đối Luận.

Ở trong Đồng Phẩm: CÓ, CHẴNG CÓ v.v... lại cũng như thế.

Vì sao vậy?Nay vì Tông đây chỉ y vào Trí chứng Liễu NHÂN, chỉ do Trí lực để hiểu nghĩa được nói,chẳng phải như Sanh NHÂN, do vì có thể khởi được (tác) DỤNG.

Nếu như vậy, đã chọn lấy Trí để hiểu rõ NHÂN, lời này lập tức mất đi ý Nghĩa của Năng thành Lập. Điều này cũng không đúng,vì làm cho người kia nhớ lại những gì đã đồng chấp nhận để thành lập, cho nên ở trong này chỉ giữ lấy ý nghĩa mà đây

(Lập Luận) và kia (Đối Luận) đều xác định đồng chấp nhận, tức là đúng pháp. Do đó, nếu có những gì đây và kia không đồng chấp nhận thì nhất định chẳng phải là TÔNG PHÁP, như (có người) thành lập: [âm Thanh là Vô Thường, vì được mắt thấy].

Lại, như [vì Tánh Sở Tác] của Luận Đối Hiện, nếu người Đối Luận không cùng chấp nhận. Lại, nếu Do Dự, như dựa theo khói v.v... lúc khởi nghimà hoặc thành lập: [đại chúng hòa hợp có Lửa, vì hiện khói]. Hoặc ở nơi này Hữu Pháp chẳng thành, như thành lập: [thânThể của ta chu biến khắp, vì ở mọi nơi sanh ra vui mừng]. Như vậy, cái được nói là tất cả các phẩm loại, tất cả các ngôn từ, đều chẳng phải là Năng Lập. Nơi Đồng Phẩm đó CÓ, CHẲNG CÓ v.v... cũng tùy chỗ tương ưng thích hợp mà nói như vậy. Trong lúc nói NHÂN và Tương Vi cùng Bất Định, chỉ có ngôn từ xác định cùng chấp nhận thì được gọi là Năng Lập, hoặc gọi là Năng Pháp. Ngôn từ Do Dự chẳng được cùng chấp nhận, vì còn chờ để thành. Phạm lập TÔNG PHÁP thì lý ra càng phải dùng pháp khác làm NHÂN để thành lập Pháp này. Nếu liền thành lập Pháp CÓ làm CÓ, hoặc lập là KHÔNG, như có người thành lập: [Tôi thắng là CÓ, vì hiện thấy việc riêng Biệt mà có loại Tổng]; Hoặc lập là [KHÔNG, vì chẳng thể được]. Nghĩa này là như thế nào?

Trong đây chỉ lập: [vật khác nhất định có một NHÂN để làm TÔNG]. Không lập chỗ [tôi thắng] nên không có lỗi này. Nếu lập là [Không] cũng là giả an lập [không thể được Pháp], cho

nên cũng không có lỗi của Hữu pháp. Nếu lấy Hữu pháp thành lập Hữu pháp khác hoặc lập thành pháp khác, như lấy Khói lập Lửa, hoặc lấy Lửa lập Xúc. Nghĩa này như thế nào?

Nay ở trong đây, chẳng lấy [Lửa] và [Xúc] thành lập làm TÔNG, song vì để thành lập sự tương ưng (với Lửa và Xúc) này. Nếu không như vậy: căn cứ vào Khói lập Lửa, căn cứ vào Lửa để lập Xúc phải thành Nghĩa của TÔNG và một phần làm NHÂN. Lại ở trong đây, chẳng muốn thành lập Tánh Có của Lửa và Xúc, do vì cùng biết là Có. Lại ở nơi này, do vì quán sát mà thành được lập pháp, pháp Có, chẳng phải Đức, có Đức, cho nên không có lỗi. Lại nói kệ Tụng như sau:

Hữu Pháp chẳng thành nơi Hữu Pháp  
cùng Pháp, đây chẳng thành Hữu Pháp  
song do Pháp nên thành Pháp đó  
Nhu vậy thành lập nơi Hữu Pháp.

Nếu có (người) thành lập:

[– âm Thanh chẳng phải là Thường, vì

– Nghiệp v.v... phải là Thường, vì là Thường nên có thể được].

Nhu vậy thế nào gọi là TÔNG PHÁP?

(Người) này nói lỗi của (người) kia từ cửa của TÔNG, NHÂN vì có Sở Lập nên nói [phải], do trước lập: [Thường, vì không có hình ngại], sau đó chỉ lập TÔNG để bài xích lỗi của NHÂN kia. Nếu lập như vậy:

– [âm Thanh là Vô Thường, vì

– Những gì được tạo tác (Sở Tác) chẳng phải Thường, vì Thường không phải là Sở Tác].

– Điều này là sao? Là phương tiện (thí) DỤ. Theo đó lần lượt nói: Đồng Pháp nói NHÂN thì TÔNG nhất định đi theo; và Dị Pháp vì TÔNG không có, thì nhất định không có NHÂN.

Vì ở trong đây, do kết hợp hiển bày NHÂN của Tánh Sở Tác, như vậy âm Thanh này nhất định là Sở Tác, chẳng phải chẳng phải Sở Tác, Tánh Sở Tác này chắc chắn là TÔNG PHÁP.

Lại nói kệ rằng:

Nói NHÂN, TÔNG theo đó

TÔNG không, NHÂN chẳng có

Nương hiển DỤ thứ năm

Do hợp nên biết NHÂN

Do đây đã giải thích phương tiện phản phá, vì thấy Tánh Sở Tác nơi Vô Thường, vì nơi Thường không thấy. Như vậy thành lập: [âm Thanh chẳng phải Thường, vì phải là Phi Tác]. Cho nên, phương tiện thuận thì thành, phản ngược là phá, chẳng cần cái khác để giải thích về NHÂN. Như Luận Pháp Số, ta đã biện bác rộng rồi, thế nên hãy ngưng tranh luận rộng ra.

Như vậy TÔNG PHÁP gồm ba loại sai biệt, nghĩa là: Đồng Phẩm CÓ, CHẴNG CÓ **cùng** cả hai. Đầu tiên, trừ chữ [**cùng**] ra, thì ở nơi đây hễ Phẩm nào đưa ra pháp Sở Lập gần bằng nhau thì gọi là Đồng Phẩm, do vì tất cả Nghĩa đều gọi là Phẩm vậy. Nếu Sở Lập là Không thì gọi là Dị Phẩm, chẳng phải so với Đồng Phẩm mâu thuẫn Tương Vi nhau hoặc khác nhau. Nếu mâu thuẫn trái ngược nhau nên chỉ là tuyển chọn

khác. Nếu khác biệt thì không có NHÂN. Do Lý này: [vì tánh của Sở Tác] có thể thành lập[Vô Thường] và[Vô Ngã] v.v...vì chẳng có sự trái ngược nhau (Tương Vi). Nếu pháp Năng Thành mâu thuẫn với Sở Lập thì là lỗi của Tương Vi, tức gọi là tương TỶ NHÂN.Nếu pháp không mâu thuẫn, thì Tương Vi cũng lại như vậy:không có pháp Sở Thành, vì nhất định không có. Chẳng phải như cái Bình v.v..., NHÂN thành Do Dự, vì (Bình) kia chuyển dần trong không mà Có. Do tánh của Sở Tác hiện thấy là cái Bình, mà có nơi cái áo, vì chẳng phải là Vô Thường, Vô Ngã v.v... mà có NHÂN này.

– Thế nào là Biệt Pháp chuyển (có)nơi Biệt Xứ?

– Do pháp đó tương Tợ nên không nói tên khác, nói là pháp này, cho nên không có lỗi.

– Nếu không nói (tên) khác làm sao NHÂN này gọi là TÔNG PHÁP?

– Ở trong này chỉ nói nhất định là TÔNG PHÁP, mà chẳng muốn nói chỉ là TÔNG PHÁP. Thế thì Đồng Phẩm cũng phải gọi là TÔNG sao? Chẳng phải thế, vì nơi Biệt Xứ (chỗ khác) sẽ nói là Sở Thành. Nhân tất không khác mới thành Tỷ Lượng, cho nên không Tương Tợ.Lại,ở đây mỗi Phẩm đều có ba loại: nghĩa là trong tất cả Đồng Phẩm Có,nơi Dị Phẩm(của Đồng Phẩm Có)kia: hoặc Có,Chẳng Có và vừa Có vừa Chẳng Có. Nơi Đồng Phẩm đó Chẳng Có, Có và cả hai,mỗi Phẩm có ba loại sai biệt như thế. Nếu lấy Vô Thường làm TÔNG thì nơi Dị Phẩm hoàn toàn không có, đối với các Luận không chấp nhận có hư không v.v...làm sao được nói nơi (hư không) kia

không có Tánh (Sở Tác) này? Nếu nơi hư không kia không có, thì nơi Tánh Sở Tác kia cũng chẳng có, toàn chẳng có nghi, thế nên ở đây không có lỗi.

Như thế hợp thành chín loại TÔNG PHÁP, tùy mỗi TÔNG PHÁP này lần lượt giải thích Tướng của nó, nghĩa là:

(Cụm I: Đồng Pháp Hữu, Dị Pháp Hữu) :

1. – Hoặc lập: [Thanh là Thường, vì Tánh so sánh được]
2. – Hoặc lập: [Vô Thường, vì Tánh Tạo Tác được].
3. – Hoặc lập: [Phát khởi được siêng cần dừng mãi không gián đoạn, vì Tánh Vô Thường].

(Cụm II: Đồng Pháp Hữu, Dị Pháp Phi Hữu)

4. – Hoặc lập: [Thường, vì Tánh được làm].
5. – Hoặc lập: [Thường, vì Tánh được nghe].
6. – Hoặc lập: [Thường, vì Tánh phát khởi siêng cần dừng mãi không gián đoạn].

(Cụm III: Đồng Pháp Hữu, Dị Pháp Câu)

7. – Hoặc: [chẳng phát khởi siêng cần dừng mãi không gián đoạn, vì Tánh Vô Thường].
8. – Hoặc lập: [Vô Thường, vì Tánh phát khởi siêng cần dừng mãi không gián đoạn].
9. – Hoặc lập: [Thường, vì Vô Đối Xúc].

Chín loại như vậy được nhiếp trong hai bài Tụng như sau:

Thường, Vô Thường, Cần Dừng  
Hằng, Trụ, Tánh kiên cố



Chẳng cần, Chuyển, Bất Biến

Do Sở Lượng có chín (9)

Sở Lượng, Tác, Vô Thường

Tánh làm, nghe, phát Dũng

Vô thường, Dũng, Vô xúc

Nương Tánh Thường gồm chín (9)

Phân biệt như thế để nói NHÂN, Tương Vi và Bất Định.

Cho nên, Bản Tụng như sau:

Kệ:

Nơi Đồng: Có, cả hai

Tại Dị không NHÂN này

Phản đây gọi Tương Vi

Ngoài ra đều Bất Định.

Trong đây chỉ có hai loại gọi là NHÂN, nghĩa là nơi Đồng Phẩm tất cả đều Có. Dị Phẩm đều Không. Cùng với Đồng Phẩm thông (cả hai) Có, Chẳng Có; Dị Phẩm là không. Nơi ba (trường hợp) của đầu (cụm I: Đồng Phẩm Hữu) và cuối (cụm III: Đồng Phẩm Hữu, phi Hữu) lấy ra một trường hợp giữa (Dị Phẩm phi hữu).

Lại, chỉ có hai loại (Nhân) gọi là Tương Vi, vì có thể đảo lập, nghĩa là nơi Dị Phẩm: Có, cùng hai loại (Có, Chẳng Có). Ở nơi Đồng Phẩm đó tất cả đều Không. (Trong chín trường hợp thì) cụm thứ hai (Đồng Phẩm Phi Hữu) của ba cụm lấy hai: đầu (Dị Phẩm Có) và cuối (Dị Phẩm Có, Chẳng Có). Năm loại khác kia thì NHÂN và Tương Vi đều Bất Định. Đây là nghĩa nghi NHÂN.

Lại trong Tướng của tất cả NHÂN đều nói có một số cùng loại (giống nhau), chẳng nói hai Tướng, lại trái ngược nhau cùng tập một chỗ, do vì các NHÂN hoặc nơi một Tướng cùng làm một việc cho nên thành NHÂN không Biến khắp. Lý nên bốn loại phải gọi là NHÂN Bất Định, bởi vì cả hai Phẩm (Đồng và Di) đều có. [Được nghe] thế nào? Do vì Bất Cộng (không cùng chấp nhận). Vì nếu Bất Cộng thì hết thấy sai biệt của pháp được thành lập, biến nhiếp tất cả, đều là nghi NHÂN. Chỉ (Thanh) kia có Tánh (được nghe), được Thanh kia nhiếp, vì thiếu một mặt. Bốn loại NHÂN Bất Định trên đều cùng Có, nên không loại trừ NHÂN. Đây (loại Nhân thứ năm) chỉ đối với kia (bốn loại Nhân trên) đều không mâu thuẫn, là Tánh của nghi NHÂN. Nếu ở trong đó, đều phân biệt là Có, cũng là NHÂN quyết định, vì loại trừ NHÂN khác, cho nên gọi là sai biệt.

Nếu đối phương chấp nhận Tánh của âm Thanh là Thường thì (Tánh Sở Tác) này phải thành NHÂN. Nếu lúc bấy giờ, chẳng có hiển thị được Tánh Sở Tác v.v... là NHÂN Vô Thường, chấp nhận có nghĩa này; như vậy đều có thể đạt được một nghĩa của Tương Vi, vì không chấp nhận Có, nên là NHÂN Do Dự.

Lại ở trong này, lực của Hiện Lượng và (Thánh) Giáo Lượng thắng hơn, cho nên phải y theo đây mà suy nghĩ tìm cầu quyết định.

Nhiếp trên Tụng nói:

Nếu pháp là Bất Cộng,

Cộng, quyết định, Tương Vi  
Biến khắp các nơi kia  
Đều là Tánh nghi NHÂN.  
Tà chứng pháp, có pháp  
Tự Tánh nếu sai biệt  
Đây thành NHÂN Tương Vi  
Nếu không, bị trái hại.  
Quán TÔNG PHÁP rõ biết  
Hễ trái hại nơi Lạc  
Thành Do Dự, điên đảo  
Khác đây không Tợ NHÂN  
Nhu vậy đã phân biệt về NHÂN và Tợ NHÂN, DỰ và Tợ DỰ.  
Bây giờ ta sẽ nói:  
Kệ:  
Nói NHÂN, TÔNG theo tùy  
TÔNG không, NHÂN chẳng có  
Cả hai gọi thí Dự  
Khác đây đều Tương Tợ.  
DỰ có hai loại là Đồng Pháp và Dị Pháp.  
Đồng Pháp nghĩa là lập: [âm Thanh Vô Thường, vì Tánh phát  
khởi siêng cần dừng mãinh không gián đoạn. Do các phát khởi  
siêng cần dừng mãinh không gián đoạn đều thấy Vô  
Thường, giống như cái bình v.v...]  
Dị Pháp nghĩa là [các pháp có Thường Trụ, thấy chẳng phát  
khởi cần dừng vô gián, như hư không v.v...]

Cái trước (Đồng Phẩm) là ngăn chặn, giảng giải, cái sau (Dị Phẩm) là dừng lại sự phóng túng sai lầm, do hợp (Đồng Dụ) và ly (Dị Dụ) là Nghĩa của sự so sánh đo lường. Do vậy, tuy đối phương không lập (thừa nhận) thật có như hư không v.v... mà trình bày được chỗ không có TÔNG mà thành lập Nghĩa không NHÂN. Lại nữa, do duyên gì mà thứ nhất nói:[NHÂN, TÔNG theo tùy], mà thứ hai nói:[TÔNG không, NHÂN chẳng có], sao không nói NHÂN không, TÔNG chẳng có? Do nói như vậy là để hiển thị NHÂN Đồng Phẩm phải Có, Dị Phẩm toàn không, chẳng phải nói điên đảo.

Lại nói kệ Tụng rằng:

Nên lấy Phi Tác chứng Thường kia

Hoặc lấy Vô Thường thành Sở Tác

Nếu vậy phải thành phi sở thuyết

Không khắp, chẳng lạc, các hợp ly

Như vậy, đã nói hai pháp hợp và ly, hai thí Dụ thuận và nghịch. Khác đây là tương Tợ. Đây là ý nghĩa của tương Tợ thí DỤ (Tợ Dụ).

– Thế nào là khác đây?

– Nghĩa là nơi Sở Lập, Năng Lập và không Đồng Phẩm này, tuy có hợp ly nhưng nói điên đảo. Hoặc ở nơi không có hợp ly, chỉ hiện bày Sở Lập và Năng Lập đều Có, Dị Phẩm đều Không. Hai pháp như thế, hoặc có (trường hợp) tùy một (hoặc Nhân, hoặc Tông) chẳng thành, chẳng bỏ. Hoặc có cả hai (Tông và Nhân) không thành, không bỏ. Như lập:[Thanh là thường, vì vô Đối Xúc].

Đồng Pháp Dụ nói:[các pháp không thấy có Đối Xúc kia đều là Thường, như Nghiệp, như Cực Vi, như cái Bình v.v...]

Dị Pháp Dụ nói: [các pháp Vô Thường thấy có Đối Xúc, như Cực Vi, như Nghiệp, như Hư Không v.v...]

Do ở đây đã nói, trong Đồng Pháp Dụ có pháp không thành, nghĩa là đối phương không chấp nhận Thường, Hư Không v.v... có phải vì muốn đầy đủ ngôn từ cho hai thí dụ mới thành Năng Lập? hay vì như NHÂN của nó rồi tùy theo đó nói một? Nếu chiếu theo Chánh Lý phải nói cả hai, do đây hiển thị đầy đủ Sở Lập không là NHÂN của nó, do trình bày đầy đủ Đồng Phẩm chắc chắn Có, Dị Phẩm toàn không, có thể đối trị thích đáng sự Tương Vi, Bất Định. Nếu nơi đây có một phần đã thành, rồi tùy theo nói một phần cũng thành Năng Lập. Giống như âm Thanh kia, hai nghĩa đồng được chấp nhận, đều không cần nói. Hoặc do dựa theo Nghĩa, một có thể hiển thị hai.

Lại, trong Tỷ Lượng chỉ thấy Lý này: Nếu nơi Sở Tỷ (chỗ so sánh) thẩm xét kỹ lưỡng với nhau, thì nơi Đồng Loại khác phải biết chắc chắn có (Nhân này), nơi chỗ (Dị Loại) Không kia phải biết đều Không, nên nhờ đó sanh ra cái hiểu chắc chắn.

Thế nên Bôn Tụng nói:

Như tự quyết định rồi

Mong người sanh quyết định

Nói TÔNG pháp, Tương Ưng

Sở Lập, là các khác.

Vì nơi so sánh hiển được Tánh của TÔNG PHÁP, cho nên nói là NHÂN; Vì hiển Tánh không Tương Ly (không lìa nhau) với (Nhân) này, thế nên nói là DỤ (Dụ Ngôn: một chi của Dụ) ; Vì hiển bày được sự so sánh nên gọi là TÔNG.

Trong sự so sánh trừ những điều này ra, không còn chi phần cành nhánh nào khác, do đây ngăn trừ các Thẩm Sát suy xét khác v.v... cùng với Hợp và Kết. Nếu vậy DỤ nên chẳng phải là Dị Phần, vì hiển được ý nghĩa của NHÂN. Sự tuy thật vậy, nhưng mà NHÂN này chỉ để hiển bày Tánh của TÔNG PHÁP này, chẳng phải để hiển được Đồng Phẩm, Dị Phẩm, Tánh Có, Tánh Không, cho nên phải nói riêng Đồng, Dị, Dụ.

Nếu chỉ nói NHÂN, những gì nói lên biểu thị được Nghĩa thì gọi là NHÂN, đây có lỗi gì? Lại có Đức gì? riêng nói phần DỤ thì gọi là Đức. Phải như phương tiện được nói của thế gian và nghĩa của NHÂN kia đều không Tương Ứng. Nếu vậy lỗi gì? ở đây nói chỉ nên giống Nghĩa của Sở Lập, chẳng có công năng và chẳng phải là Nghĩa của Năng Lập, do vì (các Thầy Nhân Minh xưa) chỉ nói Tánh của Sở Tác thuộc loại Đồng Pháp; mà chẳng nói Nghĩa của Năng Lập và Sở thành Lập. Lại NHÂN, DỤ khác nhau, ở đây có Sở Lập của Đồng Pháp, Dị Pháp, cuối cùng không thể hiển thị Tánh không lìa nhau (bất Tương Ly) của NHÂN và SỞ LẬP, cho nên chỉ có Nghĩa của SỞ LẬP, song không có công năng. Vì sao không có công năng? Vì trong Đồng DỤ TÔNG PHÁP và TÔNG NGHĨA không hẳn giống nhau; vì thí DỤ khác lại được thành lập ở đây, nên thành vô cùng. Lại, chẳng nhất định có các Phẩm loại, chẳng phải

trong Dị Phẩm không hiển bày Tánh Vô, có được chọn lựa khác có thể làm thí dụ. Nên nói kệ Tụng rằng:

Nếu NHÂN chỉ Sở Lập

Hoặc sai biệt Tướng Loại

Thí dụ phải vô cùng

Và ngăn trừ Dị Phẩm

Thế gian chỉ hiển TÔNG, NHÂN, DỊ PHẨM cùng xứ, có Tánh làm Dị Pháp Dụ, chẳng phải TÔNG không có XỨ, NHÂN không có Tánh, cho nên nhất định không có công năng. Nếu chỉ TÔNG PHÁP là Tánh của NHÂN, thì Tông có Bất Định cũng phải thành NHÂN. Vì sao đã có đầy đủ Sở Lập, Năng Lập và pháp Dị Phẩm, hai loại thí dụ, mà vẫn có lỗi này? Nếu lúc bấy giờ, Sở Lập, Dị Phẩm, không cùng một chủng loại thì liền có lỗi này, như ba loại đầu, ba loại sau, mỗi loại giữ lấy một thí DỤ cuối, cho nên xác định ba Tướng chỉ để hiển NHÂN. Do Đạo Lý này, tuy tất cả phần đều có thể vì NHÂN hiển được Sở Lập, song chỉ có một phần tạm nói là NHÂN.

Như vậy lược nói TÔNG, NHÂN; DỤ và tương Tợ Tông, tương Tợ Nhân, tương Tợ Dụ tức là ở đây nhiều (chi phần) nói về Năng Lập và tương Tợ Năng Lập. Tùy chỗ thích ứng, vì khai ngộ người khác nên nói Năng Lập và tương Tợ Năng Lập.

Vì tự khai ngộ, chỉ có Hiện Lượng cùng với Tỷ Lượng thì âm Thanh kia và những thí dụ thu nhiếp trong đó, cho nên chỉ có hai Lượng (Hiện và Tỷ). Do vì (Lượng) này có thể hiểu rõ Tự Tướng và Cộng Tướng, chẳng phải là hai Lượng này mà có Sở

Lượng khác, vì hiểu rõ (Cảnh Sở Lượng) kia lập thêm Lượng khác.

Thế nên bổn Tụng nói:

Hiện Lượng trừ phân biệt

Khác đây gọi sanh NHÂN.

Trong đây [Hiện Lượng trừ phân biệt] nghĩa là: nếu có trí nơi cảnh sắc v.v... xa lìa tất cả chủng loại danh ngôn, giả lập, vô dị, các môn, phân biệt, do không cùng Duyên, hiện chuyển (có) riêng biệt, cho nên gọi là Hiện Lượng. Nên nói bài Tụng rằng:

Có pháp chẳng một Tướng

căn chẳng phải các hành

chỉ nội chứng lìa lời

là cảnh giới sắc căn.

Ý địa (thức thứ sáu) cũng có lìa các phân biệt, chỉ chứng hành chuyển. Lại nơi tham lam v.v... các Tự Chứng Phần, thì các Vị tu Định lìa Giáo lý phân biệt đều là Hiện Lượng. Lại ở trong đây, không có Quả của Biệt Lượng, vì ngay nơi Thể này sanh Nghĩa tương Tợ, do Tợ hữu dụng, giả nói là Lượng. Nếu nơi tham lam v.v... các Tự Chứng Phần cũng là Hiện Lượng, thì tại sao trong này trừ Trí Phân Biệt? Trong này không che chướng Hiện Lượng Tự Chứng, vì không phân biệt. Song, ở trong đây hiểu rõ phần cảnh khác, không gọi là Hiện Lượng. Do đây, dù nói nghĩ nhớ, so sánh, mong cầu, trí nghi, trí mê loạn v.v... ở nơi thô ái (vụng về) v.v... đều chẳng phải là Hiện Lượng, vì tùy theo thọ nhận trước mà phân biệt chuyển đổi. Như vậy tất cả những gì có trong thế tục như cái Bình v.v...



số v.v... cử (đề xuất) v.v... các trí về Tánh Có, Tánh Bình đều Tợ Hiện Lượng, ở trong Thật Có làm Tướng Hành khác, vì giả hợp khác mà phân biệt chuyển.

Đã nói Hiện Lượng, nay nói Tỷ Lượng. [Khác đây nói Sanh Nhân] nghĩa là cái gọi trí là tiên Trí. [Khác] như từ những gì đã được nói có thể lập Sanh NHÂN, là duyên theo Nghĩa đó. Đây có hai loại là nơi Trí so sánh xét đoán quan sát từ Hiện Lượng sanh hay Tỷ Lượng sanh; và ghi nhớ NHÂN này cùng với SỞ LẬP TÔNG không có niệm lìa nhau (bất Tương Ly), do đây thành lực được nêu ở trước, vì niệm nhớ NHÂN Đồng Phẩm nhất định là Có v.v... Vì NHÂN để so sánh gần và xa này đều gọi là Tỷ Lượng, ở đây y cứ vào việc làm (Tác Cụ) và người làm (Tác Giả) mà nói. Như thế phải biết hiểu được Tỷ Lượng khác cũng chẳng lìa đây, đạt thành Năng Lập.

Cho nên nói bài tụng rằng:

Một sự có nhiều Pháp  
Tướng chẳng phải mọi Hành  
Chỉ do chọn lựa khác  
Hiện được quyết theo cùng.  
Như thế Tướng Năng này  
Cũng có nhiều các Pháp  
Chỉ không vượt Sở Tướng  
Khéo trình bày chẳng khác.

Vì sao trong này kiến lập khác biệt với Hiện Lượng trước? Vì hiện có hai môn: chỗ này phải so sánh nơi Quả của nó nói là Tỷ Lượng, chỗ kia cũng phải nơi Nhân hiện tại của nó nói là

Hiện Lượng, đều không trở ngại. Đã nói Năng Lập và Tợ Năng Lập, giờ đây nói Năng Phá và Tợ Năng Phá.

Tụng rằng:

Năng Phá lời lỗi lầm

Tợ Phá là các loại

Trong đây[Năng Phá lời lỗi lầm] nghĩa là các phần sai lầm của lời nói thiếu sót trước đã nói. Từng mỗi một lời nói đó đều gọi là Năng Phá, do vì mỗi một lời nói đó có thể làm rõ cái không đúng của TÔNG trước.

Gọi [Tợ Phá là các loại] nghĩa là các lỗi tương Tợ của Đồng Pháp gọi là Tợ Năng Phá, do vì (đối phương) kia phần nhiều giới nơi Tỷ Lượng, nhằm mê hoặc người, mà thi thiết như vậy. Chẳng thể hiện bày lỗi của TÔNG trước, do vì đối phương kia phi lý mà phá bỏ đi, và vì Năng Phá mà trình bày ra. Vì các loại này gọi là loại lỗi. Nếu mà phi lý trong lập Tỷ Lượng, thiết lập như vậy thì hoặc không hiểu rõ lỗi của Tỷ Lượng, hoặc chính là để hiển thị chỗ lỗi đó, thì không gọi là loại lỗi.

Kệ:

Vì hiện bày Dị Phẩm  
từ Đồng Pháp lập Dị  
tương Tợ Đồng Pháp, Khác,  
do Dị Pháp, Phân Biệt,  
sai khác gọi Phân Biệt  
nên một, thành chẳng khác.  
Hiện Nhân Sở Lập khác  
có thể gọi tương Tợ.

riêng hỏi Nghĩa nghi Nhân

nên nói là Do Dự.

Vì nói Nghĩa Dị Phẩm

chẳng chương, gọi Nghĩa đúng.

Trong này [Vì hiện bày Dị Phẩm: từ Đồng Pháp lập Dị, tương Tợ Đồng Pháp] là thành lập điên đảo nên gọi là lập Dị (Pháp), ở đây nương nơi việc làm và kẻ làm mà nói. Đồng pháp tức là tương Tợ gọi là Tợ Đồng Pháp, vì tất cả được nhiếp trong lúc lập tương Tợ, loại của lỗi. Nói tương Tợ chẳng phải là âm Thanh của người nam, vì tương ứng với Năng Phá, hoặc vì tùy theo bài Tụng mà kết vậy.

– Thế nào là Đồng Pháp tương Tợ Năng Phá?

– vì trong Sở Tác mà nói là Năng Tác, vì sanh khởi chuyển đổi nên nói như thế. Sau đó, tùy theo chỗ ứng hiện thích hợp cũng nói như vậy. Nay ở trong đây, từ Đồng Pháp mà thành lập thí DỤ điên đảo, cho nên gọi là tương Tợ Đồng Pháp. Như có người thành lập: [âm Thanh là vô thường, vì Tánh phát khởi cần dừng không gián đoạn], người này lấy Hư Không làm thí DỤ cho Dị Pháp. Có người trình bày Hư Không làm thí DỤ cho Đồng Pháp, vì không có chất ngại v.v... mà lập [Thanh là Thường]. Thế thì, ở trong đây những gì nói về NHÂN thì cái Bình phải là Đồng Pháp, mà Dị Phẩm lại nói Hư Không là Đồng Pháp, do đây gọi là tương Tợ Đồng Pháp.

[Khác do dị pháp] nghĩa là tương Tợ Dị Pháp, chính là các pháp còn thừa của tương Tợ Đồng Pháp trước. Trình bày Dị Pháp là từ thí DỤ Dị Pháp điên đảo mà thành lập, trong hai

loại DỤ như trước đã an lập Bình là Dị Pháp, cho nên nói là tương Tợ Dị Pháp.

[Phân biệt sai biệt gọi phân biệt] vì trước đó đã trình bày v.v... giờ đây vì nói phân biệt các sai biệt thì phải biết là phân biệt các sai biệt của Đồng Pháp. Nghĩa là như trước đã nói cái Bình là Đồng Pháp, vì nơi Đồng Pháp kia có Nghĩa sai biệt là được đốt v.v... tức là Bình phải Vô Thường, chẳng phải âm Thanh, thì Thanh phải là Thường. Vì có sai biệt là chẳng thể đốt được, do sự phân biệt này được thành lập điên đảo cho nên nói là tương Tợ Phân Biệt.

Cái gọi là [phải một, thành không khác] vì để thị hiện Đồng Pháp như đã nói trước, do vì (Bình) này cùng (âm Thanh) kia phải thành một vậy. Kia là gì? Do vì chẳng nghe thêm phương tiện khác, vì gần giống nhau, nên biết đó là TÔNG.

[Thành vô dị] là thành lỗi của Vô Dị. Vì do lời này mà có thể biết được Nghĩa, nên không nói tên chúng là gì cùng với cái gì cộng thành Vô Dị. Vì không nói riêng tất cả này cùng với tất cả kia. Như có người nói: vì nếu thấy các pháp như Bình v.v... có Đồng Pháp, liền khiến pháp khác (Dư Pháp) cũng không khác biệt, tất cả các pháp của Bình thì Thanh đều nên có, vậy thì tất cả các pháp càng giống nhau nên thành một Tánh. Trong này hoặc là thành không có lỗi khác biệt, hoặc cũng là hiển thị sự sai biệt của cái Bình, âm Thanh, chẳng khác với sự phân biệt tương tợ trước, cho nên phải nói riêng ra. Nếu lấy [phát khởi cần dừng chẳng gián đoạn] mà thành lập Vô Thường, muốn hiển thị đầy đủ Tánh chẳng hoàn toàn rốt ráo

thì thành lỗi TÔNG và NHÂN không khác. Hoặc đây khiến thành Tánh Biệt Dị, cho nên gọi là tương Tợ Vô Dị. Có người nói rằng NHÂN này nếu như có thể thành lập pháp Sở thành Lập, cũng sẽ có thể thành lập pháp mâu thuẫn trái ngược này, do Vô Biệt Dị cho nên gọi là tương Tợ Vô Dị.

[Bày Sở Lập, Nhân khác, có thể gọi tương Tợ] Nghĩa là hiển thị TÔNG PHÁP được lập, NHÂN khác có thể đạt được, chính là nói có thể đạt được tương Tợ. Và có Thuyết nói: như trước đã thành lập [âm Thanh là Vô Thường] đây chẳng phải là chánh NHÂN, nơi điện, ánh sáng v.v...do vì hiện thấy Nhân khác cũng có thể đạt thành Vô Thường. Do nếu là Nhân này mà có được Tông kia, thì đây chẳng phải là Nhân của Tông kia. Nơi đây có Nhân khác riêng làm phương tiện, nghĩa là Nhân này chẳng phải chánh NHÂN của Vô Thường kia, do vì không biến khắp. Như nói [tông lâm đều có tư lự, vì có ngũ nghi].

[riêng hỏi Nghĩa nghi NHÂN, nên gọi là Do Dự] là: tương ưng với loại lỗi, nên nói âm Thanh người nữ. Trong đây phân biệt sự sai khác Nghĩa của TÔNG, mà NHÂN thành Bất Định, cho nên gọi là tương Tợ Do Dự; hoặc lại phân biệt sự sai khác Nghĩa của NHÂN, nên gọi loại lỗi của tương Tợ Do Dự. Nghĩa là có Thuyết nói: như trước đã thành lập [âm Thanh là Vô Thường, vì Tánh phát khởi cần dừng chẳng gián đoạn]. Hiện thấy sự phát khởi cần dừng không gián đoạn, hoặc (ẩn) hiển hoặc sanh (diệt) nên thành Do Dự: nay những gì thành lập là hiển hay là sanh? Vì thế, chẳng nên lấy NHÂN như vậy để chứng minh cho Nghĩa Vô Thường.

[Nói Nghĩa của Dĩ Phẩm, do chẳng bị che chướng, gọi là nghĩa đúng (chuẩn)]. Là có Thuyết nói: nếu lấy phát khởi cần dừng không gián đoạn nói là Vô Thường, thì đúng chuẩn (dựa theo) Nghĩa đó phải là: nếu chẳng phát khởi cần dừng không gián đoạn như điện, ánh sáng v.v...đều là Thường. Như thế gọi là tương Tợ Nghĩa Chuẩn. Phải biết trong đây lược bỏ đi (chữ tương Tợ)sau câu, vì vậy chỉ gọi là Do Dự, Nghĩa Chuẩn. Lại do vì nghĩa gì mà thứ tự các lỗi củatương Tợ Đồng Pháp không giống với các Sư Nhân minh khác nói? Vì tương Tợ Pháp Đồng (pháp).

Kê:

Do các Đồng pháp này

Nhiều nghi nên Tợ kia.

Nói [nhiều] là hiển bày hoặc có vấn nạn (gặng hỏi) khác, và vì để hiển thị lỗi tươngTợ chẳng thành NHÂN. Ở trong đây bốn (trường hợp) trước đều không tương ưng với những thí dụ được tôi phương tiện đã nói, lại tùy theo thể gian mà phương tiện thí dụ,tuy chẳng hiển được Nhân là Tánh Quyết Định, nhưng nhiếp Thể của nó, nên nói như thế.

Do dùng các NHÂN Đồng Pháp Bất Định,để thành lập Tự TÔNG, mà phương tiện nói (đối phương) kia cũng có pháp này,do vậy liền thành Tợ Cộng Bất Định,hoặc lại thành Tợ Tương Vi Quyết Định.

Nếu nói chỉ để thành lập Tự Tông, vì sao Bất Định được gọi là Năng Phá? Chẳng phải nói đây là Năng Phá,khó mà nói chắc, nên gọi Bất Định. Vì trong Năng Thuyên mà nói Sở Thuyên,

không có lỗi này. Nơi khác lại cũng như thế mà an lập. Nếu Lượng của Sở Lập có lỗi Bất Định, hoặc lại quyết định các NHÂN Đồng Pháp có Sở thành Lập, tức gọi Năng Phá.

Do những vấn nạn như thế, hoặc Hiện Lượng thấy Lực, mà Tỷ Lượng thì chẳng thể loại trừ Tánh đó. Như có người thành lập [âm Thanh chẳng phải là cái được nghe, giống như cái Bình v.v...] vì Hiện Lượng thấy âm Thanh đó là cái được nghe, không nên được lấy cái Tánh được nghe của Thanh loại bỏ Vô Thường, vì chẳng phải chỉ không thấy mà có thể loại trừ, nếu chẳng như vậy, thì cũng phải loại bỏ Thường.

Tương Tợ Vô Dị thứ hai: là lỗi Tợ chẳng thành NHÂN vậy. Lại (đối phương) lấy vốn Không (Bổn Vô) mà sanh tăng ích trợ giúp cho Sở Lập, vì vậy làm thành một lỗi của TÔNG và NHÂN. Ở đây lấy vốn Không mà sanh thành được NHÂN PHÁP để chứng minh sau khi Diệt là Không. Nếu liền lập nó thì có thể thành NĂNG PHÁ.

Tương Tợ Vô Dị thứ ba: là thành lập trái ngược nên phương hại đến Sở Lập, vì vấn nạn nên thành tương Tợ, do vì có thể thiêu đốt được v.v... chẳng chắc chắn vậy. Nếu là chắc chắn có thể thành Tương Vi (mâu thuẫn).

Thứ nhất: có thể đạt được tương Tợ Sở Lập Bất Định, nên thành tương Tợ của (đối phương) kia. Nếu NHÂN của Sở Lập cũng có nơi Thường, thì có thể thành NĂNG PHÁ.

Thứ hai: có thể đạt được (tương Tợ) tuy là không khắp, do vì các loại khác không có, nên tương Tợ không thành lỗi; Nếu

SỞ LẬP là Không thì có thể gọi là NĂNG PHÁ, chứ chẳng phải trong đây muốn lập tất cả đều là Vô Thường.

Tương Tự Do Dự: nghĩa là dùng phát khởi cần dừng chẳng gián đoạn để thành lập diệt hoại. Nếu lấy sanh khởi tăng ích trợ giúp Sở Lập làm lỗi Bất Định, đây là tương Tự Bất Định; Nếu nơi Sở Lập không khởi phân biệt, chỉ chọn NHÂN sanh khởi để vấn nạn, thì tương Tự này cũng bất thành. Do ở trong đây, chẳng muốn chỉ lấy sanh khởi để thành lập diệt hoại, hoặc sanh (diệt), hoặc (ân) hiển, đều là diệt hoại, vì chẳng phải Bất Định. Đúng nghĩa tương Tự là lấy điên đảo Bất Định để vấn nạn, cho nên là tương tự Bất Định. Giả sử chẳng lấy phát khởi cần dừng không gián đoạn để thành lập Thường và Vô Thường, hoặc giả chỉ lấy phát khởi cần dừng không gián đoạn để lập Vô Thường, mà chẳng lấy gì khác, thì có thể thành Năng Phá.

Kệ:

Nếu NHÂN đến, chẳng đến

Ba thời lời chẳng ưa

Đến, chẳng đến, không NHÂN

Gọi là Tự NHÂN Khuyết.

[Nếu NHÂN đến, chẳng đến ba thời, lời chẳng ưa, đến, chẳng đến, không NHÂN] nghĩa là: nơi đến, chẳng đến tạo thành lời nói chẳng ưa thích, nếu NHÂN của NĂNG LẬP đạt đến TÔNG của Sở Lập, mà thành lập được do vì không có sai biệt, nên chẳng phải là SỞ LẬP, giống như nước ở ao và nước ở biển đều cùng hòa hợp với nhau không khác. Lại nữa, nếu



chẳng thành thì phải chẳng cùng đạt đến nhau (phi Tương Chí). Sở Lập nếu thành, đây NHÂN là gì? Nếu NHÂN của NĂNG LẬP không đạt đến SỞ LẬP, chẳng đến- do vì chẳng phải NHÂN có sai biệt, nên không thành NHÂN. Đây gọi là tương Tợ chí, phi chí (đến, không đến).

Lại nữa, nơi ba thời nói lời chẳng ưa: nếu thành lập NHÂN có **trước** SỞ LẬP, thì khi SỞ LẬP chưa có, vậy NHÂN là của cái gì? Nếu nói có **sau** thì SỞ LẬP đã thành, sao lại còn cần NHÂN làm gì nữa? Nếu có **cùng một thời** thì NHÂN và có NHÂN đều chẳng thành tựu, như hai sừng của trâu, cho nên gọi là tương Tợ VÔ NHÂN. Trong đây, như trước đã lần lượt khác nhau, do vì đều nói là tương Tợ NHÂN Khuyết (thiếu). Vì sao vậy? Bởi vì chê bai bài bác tất cả các NHÂN một cách phi Lý. Lý gì trong này? Chỉ giống chỗ không đến, cho nên tuy tương ưng với Tướng của NHÂN, cũng không gọi là NHÂN. Như vậy là lý gì? Chỉ vì trước khi có Sở Lập, không được tên là NHÂN, tức chẳng phải NĂNG LẬP. Lại, trong đây có lỗi tự hại, vì cùng ngăn trừ, loại bỏ nhau. Như thế mà lại nói trong Sở thành Lập của NHÂN và HUỆ có tương Tợ NHÂN Khuyết, trong nghĩa của NHÂN có tương Tợ Bất Thành, bởi phi lý chê bai bài bác tất cả các pháp NHÂN. Như hai NHÂN trước, vì ở nơi Nghĩa Sở Lập đều chẳng phải là Tánh của Sở Tác và Năng Tác, chẳng đúng Chánh Lý. Nếu lúc dùng chánh Lý để chê bai bài bác thì có thể gọi là Năng Phá.

Kệ:

Vì nói trước không NHÂN

Nên không có Sở Lập  
Tên chẳng nói tương Tợ  
Sanh, Vô Sanh cũng thế.  
Sở Tác khác ít phần  
Hiện Sở Lập chẳng thành  
Tên tương Tợ Sở Tác  
Nhiều như TÔNG Tợ nói.

[Vì nói trước không NHÂN nên không có Sở Lập, tên không nói tương Tợ] nghĩa là có người nói: như Sở Lập trước, nếu do NHÂN này chứng Tánh của Vô Thường, thì ở đây trước khi chưa nói đều là không có; do vì Nhân không có nên chẳng phải Vô Thường. Như vậy gọi là tương Tợ Vô Thường.

[Sanh, Vô Sanh cũng vậy] nghĩa là trước khi sanh thì không có NHÂN, nên không có Sở Lập, cũng tức là nói tương Tợ Vô Sanh.

Nói [cũng vậy] là giống như loại ví dụ trước về âm Thanh, vì Nhân không có, nên không có Sở Lập. Nay ở trong đây, nếu không có Sở Lập, phải biết lại cũng có Tương Vi Sở Lập (trái ngược với Sở Lập). Nghĩa là có người nói: như trước có Sở Lập, hoặc như là âm Thanh trước khi chưa sanh, thì không có sự phát khởi cần dừng không gián đoạn, nên chẳng Vô Thường. Lại, chẳng phải phát khởi cần dừng không gián đoạn nên là Thường. Như thế gọi là tương Tợ Vô Sanh.

[Sở Tác khác ít phần, hiện Sở Lập bất thành, tên tương Tợ Sở Tác] nghĩa là chỗ thành lập [vì Tánh của Sở Tác giống như cái Bình v.v... Thanh là vô thường] là do nếu cái Bình có Tánh Sở

Tác khác, thì có thể được xem là Vô Thường. Thế nào như việc của âm thanh được? Như thế gọi là tương Tợ Sở Tác.

[Nhiều như TÔNG Tợ nói] là như Tương Tợ Vô Thuyết v.v... đa phần nói như tương Tợ Sở Lập, nghĩa là giống như lỗi chẳng thành NHÂN vậy (Nhân Bất Thành).

[Nhiều] lời làm hiển thị hoặc tương Tợ các khác (Tợ Dư). Nay ở trong đây, tương Tợ Vô Thuyết tăng ích (trợ giúp thêm) cho Tỷ Lượng, là những ngôn từ mà Luận giả nói ra để lập nên Tánh Vô Thường, vì để vấn nạn trước khi chưa nói NHÂN chẳng có, đây là tương Tợ Bất Thành, hoặc tương Tợ Khuyết NHÂN (thiếu Nhân), là vì trước khi chưa nói tăng ích trợ giúp Năng Lập. Nếu ở trong này, hiển thị Nghĩa không có, lại lúc Lập Lượng nếu không lời nói, có thể thành NĂNG PHÁ.

Tương Tợ Vô Sanh, trước khi âm Thanh chưa sanh trợ giúp tăng ích cho Sở Lập, bởi vì nạn vấn Nhân là Không, tức gọi là Tợ Phá; nếu lúc thành lập hiển thị được Thanh này là Không thì có thể thành Năng Phá. Nếu trước chưa sanh, mà dùng [chẳng phát khởi cần dừng không gián đoạn] để nạn vấn khiến cho là Thường, do vì theo Nghĩa đây có phần thích hợp, cũng là Tợ Bất Định.

Tương Tợ Sở Tác có ba loại:

Hoặc nạn vấn Tánh Sở Tác của cái Bình v.v...trên âm Thanh là không (Vô), đây là tương Tợ Bất Thành.

Hoặc nạn vấn Tánh Sở Tác của âm Thanh kia v.v... ở nơi cái Bình là Không, đây là tương Tợ Tương Vi.

Hoặc nạn vấn trên Thường này cũng là Không, vì không chung (Bất Cộng), liền là Tợ Bất Định hoặc là lỗi tương Tợ thí DỤ, vì trích dẫn Đồng Pháp.

Vì sao thế? Vì chỉ giữ lấy pháp Tổng để kiến lập Tỷ Lượng mà chẳng chọn giữ lấy pháp Biệt. Vì chọn giữ Nghĩa của Biệt thì chắc chắn sẽ khác (có sai biệt), Tỷ Lượng phải là Không.

Đồng thuận đề câu NHÂN

Là lỗi sanh tương Tợ

Nơi DỤ đây lập vấn

Gọi như Tợ DỤ nói

[Đồng thuận đề câu NHÂN, là lỗi sanh tương Tợ] nghĩa là có người vấn nạn: như trước Sở Lập về [cái Bình là Vô Thường] lại NHÂN nào chứng minh? [nơi Dụ đây lập vấn, gọi như Tợ Dụ nói] nghĩa là cái Bình v.v... Vô Thường, đều đồng cùng

chấp nhận để được thành tựu, vì để nói không thành vấn nạn tương Tợ thí Dụ, như Tợ Dụ nói.

Kệ:

Tánh Vô Thường luôn theo

Gọi tương Tợ Thường Trụ

Đây thành lỗi Tánh Thường

Như là nói lỗi TÔNG.

Có người vấn nạn: như trước Sở Lập [âm Thanh Vô Thường], đây phải hợp với Tánh Thường và Vô Thường, vì Tự Tánh của các pháp đều chẳng xả ly cũng phải là Thường. Đây gọi là tương Tợ Thường Trụ. Vì lỗi của Tợ TÔNG này, tăng ích trợ

giúp cho Tánh Vô Thường của Sở Lập. Do ở trong đây đều không có Tánh Thật Vô Thường nào khác, nương vào Thường này mà chuyển. Tức là Tự Tánh này vốn Không mà nay Có, tạm Có rồi lại Không, nên gọi là Vô Thường. Ngay phần vị này, do duyên vào Tự Tánh, nên gọi là Tánh của Vô Thường, như Tánh của các Quả v.v...

Các trường hợp lỗi như thế, đủ thấy những gì được nói đa phần là nói Tánh của Tương Tợ Năng Phá, bởi vì đúng nhất (tối cực thành). Những Luận Thuyết khác cũng phải như thế phân biệt thành lập. Các loại lỗi này, vì chỉ do phần nhỏ của phương tiện khác mà kiến lập vô biên các loại lỗi sai biệt, cho nên không nói. Như ngay trong đây, có các chỗ nói như là tương Tợ tăng ích, tồn giảm, có hiển, không hiển, sanh ra lý giải, biệt dụ, phẩm loại v.v... từ phương tiện góc độ này đều phải suy xét thật kỹ và phải ngăn trừ. Có các Tỷ Lượng không đúng, chỉ phương tiện mà nói như thế, triển chuyển tùy tiện, điều này các Luận khác diễn nói vô cùng (rất nhiều) cho nên không nói thêm nữa. Lại, ở khía cạnh này, những gì các Nhân Minh Sư xưa đã nói, hoặc có Vị bị nhiếp rơi vào Năng Phá, hoặc có Vị rất sơ suất, hoặc có Vị phi lý nói lời dối trá ngụy ngữ v.v... cho nên không ghi chép ra đây. Tất cả các nghĩa câu của các Sư của TÔNG khác cũng phải phân biệt và kiến lập như vậy. Như thế, phần Biến Kế Sở Chấp đều không đúng Lý, trái ngược với Tướng được nói, đều là vô trí, bởi vì rất xa vời với Lý. Lại nữa, những lỗi của ngôn từ lời nói này, ta tự biết rõ và trình bày trong <Luận Thức> v.v... phần lớn đã chế ngự và

hàng phục rồi. Lại, từ khía cạnh này, ta trong Phá Cổ Nhân Minh Luận đã phân biệt đầy đủ trong đó, do vậy hãy dừng nơi đây.

Huệ thuộc độc để khai trí người  
Khai Diệu Nghĩa này môn Chánh Lý  
Các Vị ngoài Lượng đều kẻ mê  
Khiến vượt đường tà, hợp Chơn Nghĩa.

因明正理門論[4]本

Nhân Minh Chánh Lý Luận (bản gốc)

Dịch xong ngày 24 tháng 12 năm 2003

Nam mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Long Thọ Bồ Tát Luận Sư Tác Đại Chứng Minh

Tỳ Kheo Ni Thích Tịnh Nghiệp hiệu đính xong ngày 31.01.2025 (Hiệu đính lần  
thứ nhất)